

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT ƯU VIỆT CHƯƠNG TRÌNH HƯU TRÍ

Bạn có thể chủ động thiết lập kế hoạch linh hoạt cho gia đoạn hưu trí của bạn trong tương lai với sự kết hợp hiệu quả giữa tiết kiệm và bảo vệ.

AIA

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tăng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các quyền lợi bảo hiểm bổ sung để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền từ giá trị tài khoản để thực hiện nhu cầu cần thiết của bạn trong gia đoạn hưu trí.

TRANG THÔNG TIN CƠ BẢN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Mr. A	Nam	40	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

								Đơn vị: đồng
Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Mr. A	40	Male	Officer	60	60	1.800.000.000	60.000.000
Sản phẩm bổ sung (*)								
Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn	Mr. A	40	Male	Officer	25	25	1.800.000.000	6.066.000
Bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo	Mr. A	40	Male	Officer	35	35	1.800.000.000	28.350.000
Tổng phí sản phẩm bổ sung								34.416.000

Định kỳ đóng phí	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí bảo hiểm cơ bản	60.000.000	-	-	-
Phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung	34.416.000	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	94.416.000	-	-	-
Phí tích lũy dự kiến	-			

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 20

Dãy số kiểm tra

Lưu ý: Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu. Phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm chính.
Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm chính và phải được đóng đầy đủ.
(*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

Nếu NDBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NDBH, tùy số nào nhỏ hơn. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NDBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NDBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

1. Quyền lợi NDBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NDBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được số tiền tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản (GTTK) của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; và
 - ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.
- Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

2. Quyền lợi khi NDBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NDBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NDBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi và Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn. Quyền lợi này sẽ được áp dụng cho những sự kiện tử vong do tai nạn xảy ra trong khoảng thời gian từ Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí bảo hiểm đã được đóng gần nhất cho đến ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một

Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

3. Quyền lợi đối với NDBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NDBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NDBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

4. Quyền lợi khi NDBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NDBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được số tiền tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản (GTTK) của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; và
 - ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV.
- Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

5. Quyền lợi khi NDBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NDBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi. Tổng quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NDBH được hưởng bao gồm cả quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư này không vượt quá hạn mức 4 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

6. Quyền lợi đầu tư

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%	5,0%	4,5%	4,5%	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 20

Dãy số kiểm tra

hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
Mức lãi suất tích lũy sẽ được chúng tôi công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

- 7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng** (quyền lợi được bảo đảm)
Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này, khách hàng phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản vào mỗi ngày đến hạn đóng phí trong những năm hợp đồng trước đó.
Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.
- 8. Quyền lợi đáo hạn** (quyền lợi được bảo đảm)
Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

Lưu ý: Trường hợp NDBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm hiện tại

- 9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản**
Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản:
✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HDBH

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- ✓ Trước khi NDBH tròn 65 (sáu mươi lăm) tuổi.
- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Quyền thay đổi STBH

Khách hàng có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ ngày kỷ niệm HD thứ 2 trở đi và trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.

2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)

Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 và trước khi NDBH tròn 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn, tối đa 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng và yêu cầu được gửi đến cho chúng tôi trong vòng 90 ngày kể từ ngày NDBH kết hôn hoặc sinh con.

3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Khách hàng có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% từ GTTK cơ bản của hợp đồng kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.

CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NDBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí

Năm đóng phí	1	2	3	4	5
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1,5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

3. **Chi phí quản lý hợp đồng:** 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm).
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
4. **Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
5. **Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
6. **Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG

nếu khách hàng có yêu cầu tham gia cùng với sản phẩm chính, có đóng phí sản phẩm bổ sung và được chúng tôi chấp thuận bảo hiểm đối với các sản phẩm bổ sung. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.

1. Bảo hiểm Toàn diện bệnh hiểm nghèo

- Quyền lợi bệnh hiểm nghèo: tùy theo chẩn đoán mức độ mắc bệnh hiểm nghèo, quyền lợi bảo hiểm được chi trả như sau:
 - Mức độ 1: 30% số tiền bảo hiểm (STBH) của sản phẩm bổ sung này;
 - Mức độ 2: 60% STBH của sản phẩm bổ sung này và miễn phí bảo hiểm sản phẩm này kể từ ngày mắc bệnh hiểm nghèo cho đến hết thời hạn hợp đồng của sản phẩm bổ sung này;
 - Mức độ 3: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Khách hàng có thể yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm nhiều lần nhưng mỗi bệnh hiểm nghèo chỉ được chi trả một lần và tổng số tiền chi trả cho tất cả các bệnh hiểm nghèo không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này. Bên cạnh đó, quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo theo từng mức độ nêu trên sẽ được chi trả không vượt quá hạn mức tối đa quy định trong Quy tắc, điều khoản của sản phẩm bổ sung này.

- Quyền lợi bảo hiểm vĩnh mặc tiêu đường: 20% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Thưởng khi không có yêu cầu giải quyết QLBH: Bắt đầu vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 của sản phẩm này và vào (các) ngày kỷ niệm hợp đồng mỗi 5 năm sau đó, khách hàng nhận được 20% tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này trong 5 năm liền kề trước đó nếu không có bất cứ yêu cầu giải quyết lợi nào được chi trả trong giai đoạn 5 năm này.

2. Bảo hiểm Miễn thu phí bệnh hiểm nghèo

Nếu Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo, tùy theo mức độ chẩn đoán mắc bệnh hiểm nghèo, khách hàng được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực (nếu có), không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm liên kết đầu tư, cụ thể như sau:

- Mức độ 1: miễn phí bảo hiểm 60 tháng kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh nhưng không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.
- Mức độ 2 hoặc mức độ 3: miễn phí kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh cho đến hết thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.

3. Bảo hiểm Tử vong do tai nạn

Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

4. Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn

- Tàn tật hoặc bỏng do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Tàn tật toàn bộ tạm thời do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt: Bên cạnh quyền lợi tử vong do tai nạn, khách hàng sẽ nhận thêm 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

5. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện do tai nạn

- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Gãy xương do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo mức độ gãy xương.
- Bồi hoàn chi phí điều trị do tai nạn: hỗ trợ chi phí y tế hợp lý, thông thường phát sinh khi nằm viện nội trú để điều trị thương tật do tai

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 20

Dãy số kiểm tra

nạn trong vòng 52 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn. Tổng số tiền chi trả tối đa cho quyền lợi này trong suốt thời gian tham gia không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này. Các chi phí điều trị phải là các chi phí không được bồi thường theo các chương trình/quy định của chính phủ; hoặc không được bảo hiểm bởi các hợp đồng bảo hiểm khác hoặc không được bồi hoàn/bồi thường theo các quy định, chương trình hay các hợp đồng bảo hiểm đó.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho một hay nhiều tai nạn gây ra một hay nhiều thương tật không vượt quá 100% STBH của sản phẩm bổ sung này. Việc chi trả chỉ áp dụng một lần cho mỗi thương tật và một khu vực xương bị gãy.

6. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện và phẫu thuật

- Hỗ trợ chi phí nằm viện không phải tại khoa sản sóc đặc biệt: 100% STBH/ngày nằm viện. Tối đa 100 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí nằm viện tại khoa sản sóc đặc biệt: 300% STBH/ngày của sản phẩm bổ sung này. Tối đa 30 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật: chi trả chi phí phòng mổ, tiền công ca mổ, chi phí gây mê, gây mê với chi trả tối đa lên đến 20 lần STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo loại phẫu thuật.
- Hỗ trợ chi phí trước và sau khi nằm viện khi đáp ứng một số điều kiện nhất định: hỗ trợ tiền thuốc, chi phí khám, vật lý trị liệu, tư vấn và xét nghiệm, chi phí chăm sóc y tế tại nhà với tối đa lên đến 200% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Tổng số tiền tối đa chi trả cho tất cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này trong suốt thời hạn hợp đồng là 1.000 lần STBH của sản phẩm bổ sung này.

7. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe

- Quyền lợi điều trị nội trú
- Quyền lợi điều trị ngoại trú
- Quyền lợi chăm sóc nha khoa

8. Bảo hiểm Hỗ trợ chi phí nằm viện

- Hỗ trợ chi phí nằm viện: khách hàng được hỗ trợ chi phí cho mỗi ngày nằm viện là:
 - 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này nếu:
 - nằm viện ở bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh; hoặc
 - nằm ở bệnh viện tuyến huyện nơi có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT); hoặc
 - nằm ở bệnh viện tuyến huyện để điều trị tai nạn.
 - 50% STBH nếu NDBH nằm viện ở bệnh viện tuyến huyện nơi không có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT) hoặc không điều trị thương tích do tai nạn.

Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho 02 trường hợp nêu trên sẽ không vượt quá 365 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

- Trợ cấp khi nằm tại khoa sản sóc đặc biệt: 200% STBH/ngày nằm viện tại khoa sản sóc đặc biệt của Bệnh viện đủ tiêu chuẩn tuyến trung ương, tuyến tỉnh hoặc tại bệnh viện nơi có đăng ký khám chữa bệnh bằng BHYT. Tối đa là 25 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho sản phẩm bổ sung này tối đa 1.000 ngày nằm viện.

9. Bảo hiểm Miễn thu phí đặc biệt

Khi NDBH của sản phẩm này tử vong hoặc bị TTTB&VV, khách hàng sẽ được:

- ✓ Khách hàng sẽ được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực tham gia cùng với HDBH này, không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; và
- ✓ Nhận ngay quyền lợi hỗ trợ tài chính là 200% STBH của sản phẩm bổ sung này nếu quyền lợi miễn thu phí được chấp thuận giải quyết.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 20

Dãy số kiểm tra

- Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các hợp đồng bảo hiểm với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.*
- Nội dung về các sản phẩm bổ sung trên đây chỉ mang tính giới thiệu tóm lược. Mọi quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm bổ sung sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 9 | 20

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ								Đơn vị: ngàn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI				Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng	
			Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ			
1	40	60.000	60.000	34.416		6.000	54.000	6.055	300
2	41	60.000	60.000	34.416		12.000	48.000	6.322	300
3	42	60.000	60.000	34.416		42.000	18.000	6.545	300
4	43	60.000	60.000	34.416		48.000	12.000	6.775	300
5	44	60.000	60.000	34.416		59.100	900	7.063	300
6	45	60.000	60.000	34.416		59.100	900	7.279	300
7	46	60.000	60.000	34.416		59.100	900	7.518	300
8	47	60.000	60.000	34.416		59.100	900	8.029	300
9	48	60.000	60.000	34.416		59.100	900	8.479	300
10	49	60.000	60.000	34.416		59.100	900	8.799	300
11	50	60.000	60.000	34.416		59.100	900	9.110	300
12	51	60.000	60.000	34.416		59.100	900	9.539	300
13	52	60.000	60.000	34.416		59.100	900	10.376	300
14	53	60.000	60.000	34.416		59.100	900	10.880	300
15	54	60.000	60.000	34.416		59.100	900	11.223	300
16	55	60.000	60.000	34.416		59.100	900	12.000	300
17	56	60.000	60.000	34.416		59.100	900	12.120	300
18	57	60.000	60.000	34.416		59.100	900	12.419	300
19	58	60.000	60.000	34.416		59.100	900	12.277	300
20	59	60.000	60.000	34.416		59.100	900	11.579	300
21	60	60.000	60.000	34.416		59.100	900	11.063	300
22	61	60.000	60.000	34.416		59.100	900	10.202	300
23	62	60.000	60.000	34.416		59.100	900	9.189	300
24	63	60.000	60.000	34.416		59.100	900	8.232	300

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 20

Dãy số kiểm tra

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	QUYỀN LỢI Phí tích lũy	QUYỀN LỢI được phân bổ	ƯU VIỆT QUYỀN LỢI Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
25	64	60.000	60.000	34.416		59.100	900	6.830	300
26	65	60.000	60.000	28.350		59.100	900	5.116	300
27	66	60.000	60.000	28.350		59.100	900	2.662	300
28	67	60.000	60.000	28.350		59.100	900	5	300
29	68	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
30	69	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
31	70	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
32	71	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
33	72	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
34	73	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
35	74	60.000	60.000	28.350		59.100	900		300
36	75	60.000	60.000			59.100	900		300
37	76	60.000	60.000			59.100	900		300
38	77	60.000	60.000			59.100	900		300
39	78	60.000	60.000			59.100	900		300
40	79	60.000	60.000			59.100	900		300
41	80	60.000	60.000			59.100	900		300
42	81	60.000	60.000			59.100	900		300
43	82	60.000	60.000			59.100	900		300
44	83	60.000	60.000			59.100	900		300
45	84	60.000	60.000			59.100	900		300
46	85	60.000	60.000			59.100	900		300
47	86	60.000	60.000			59.100	900		300
48	87	60.000	60.000			59.100	900		300
49	88	60.000	60.000			59.100	900		300

BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ								Đơn vị: ngàn đồng		
Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO	Chi phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
50	89	60.000	60.000				59.100	900		300
51	90	60.000	60.000				59.100	900		300
52	91	60.000	60.000				59.100	900		300
53	92	60.000	60.000				59.100	900		300
54	93	60.000	60.000				59.100	900		300
55	94	60.000	60.000				59.100	900		300
56	95	60.000	60.000				59.100	900		300
57	96	60.000	60.000				59.100	900		300
58	97	60.000	60.000				59.100	900		300
59	98	60.000	60.000				59.100	900		300
60	99	60.000	60.000				59.100	900		300

- Lưu ý:**
- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
 - Tham gia Hợp đồng Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
 - Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
 - Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM											
Đơn vị: ngàn đồng											
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUU VIỆT QUYỀN LỢI			Quyền lợi đầu tư					
			QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN			Quyền lợi đầu tư đảm bảo			Quyền lợi đầu tư không đảm bảo		
			Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
1	40	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000						
2	41	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		5.563		5.563		5.785
3	42	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		42.693		42.913		44.031
4	43	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		87.528		88.195		91.143
5	44	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		144.971		147.105		153.145
6	45	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		203.492		208.749		219.294
7	46	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		262.525		273.252		289.877
8	47	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		321.225		340.498		364.959
9	48	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		379.058		410.716		444.967
10	49	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000	76.196	513.920	130.868	615.085	190.989	721.422
11	50	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		574.969		699.082		827.149
12	51	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		636.805		787.130		940.416
13	52	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		699.031		879.160		1.061.626
14	53	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		761.993		975.790		1.191.838
15	54	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000	7.620	833.487	13.087	1.090.611	19.099	1.351.177
16	55	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		898.006		1.198.331		1.503.898
17	56	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		963.694		1.312.320		1.669.257
18	57	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.030.393		1.433.075		1.848.608
19	58	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.098.570		1.561.537		2.040.936
20	59	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000	7.620	1.176.434	13.087	1.711.754	19.099	2.265.826

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 20
Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM											
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUU VIỆT NAM											
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
21	60	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.248.759		1.858.961		2.487.360
22	61	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.323.400		2.013.656		2.724.400
23	62	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.400.558		2.176.086		2.978.034
24	63	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.480.226		2.346.637		3.249.422
25	64	60.000	1.800.000	3.600.000	450.000		1.562.905		2.525.716		3.539.808
26	65	60.000	1.800.000	1.800.000			1.648.969		2.713.748		3.850.520
27	66	60.000	1.800.000	1.800.000			1.739.235		2.911.183		4.182.982
28	67	60.000	1.833.993	1.833.993			1.833.993		3.118.489		4.538.717
29	68	60.000	1.930.652	1.930.652			1.930.652		3.336.160		4.919.352
30	69	60.000	2.029.244	2.029.244			2.029.244		3.564.715		5.326.633
31	70	60.000	2.129.807	2.129.807			2.129.807		3.804.698		5.762.423
32	71	60.000	2.232.382	2.232.382			2.232.382		4.056.679		6.228.718
33	72	60.000	2.337.009	2.337.009			2.337.009		4.321.260		6.727.654
34	73	60.000	2.443.728	2.443.728			2.443.728		4.599.070		7.261.516
35	74	60.000	2.552.581	2.552.581			2.552.581		4.890.771		7.832.748
36	75	60.000	2.663.611	2.663.611			2.663.611		5.197.056		8.443.966
37	76	60.000	2.776.862	2.776.862			2.776.862		5.518.656		9.097.969
38	77	60.000	2.892.378	2.892.378			2.892.378		5.856.336		9.797.753
39	78	60.000	3.010.205	3.010.205			3.010.205		6.210.900		10.546.521
40	79	60.000	3.130.388	3.130.388			3.130.388		6.583.191		11.347.703

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 20

Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM											
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUU VIỆT NAM											
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
41	80	60.000	3.252.974	3.252.974			3.252.974		6.974.098		12.204.968
42	81	60.000	3.378.012	3.378.012			3.378.012		7.384.550		13.122.242
43	82	60.000	3.505.551	3.505.551			3.505.551		7.815.524		14.103.725
44	83	60.000	3.635.641	3.635.641			3.635.641		8.268.047		15.153.911
45	84	60.000	3.768.333	3.768.333			3.768.333		8.743.197		16.277.610
46	85	60.000	3.903.678	3.903.678			3.903.678		9.242.103		17.479.969
47	86	60.000	4.041.730	4.041.730			4.041.730		9.765.955		18.766.493
48	87	60.000	4.182.544	4.182.544			4.182.544		10.316.000		20.143.073
49	88	60.000	4.326.173	4.326.173			4.326.173		10.893.547		21.616.014
50	89	60.000	4.472.676	4.472.676			4.472.676		11.499.971		23.192.060
51	90	60.000	4.622.108	4.622.108			4.622.108		12.136.717		24.878.430
52	91	60.000	4.774.529	4.774.529			4.774.529		12.805.300		26.682.846
53	92	60.000	4.929.998	4.929.998			4.929.998		13.507.312		28.613.571
54	93	60.000	5.088.577	5.088.577			5.088.577		14.244.424		30.679.447
55	94	60.000	5.250.327	5.250.327			5.250.327		15.018.392		32.889.934
56	95	60.000	5.415.312	5.415.312			5.415.312		15.831.059		35.255.155
57	96	60.000	5.583.597	5.583.597			5.583.597		16.684.359		37.785.942
58	97	60.000	5.755.248	5.755.248			5.755.248		17.580.324		40.493.883
59	98	60.000	5.930.332	5.930.332			5.930.332		18.521.087		43.391.381
60	99	60.000	6.108.917	6.108.917			6.108.917		19.508.888		46.491.703

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 20

Dãy số kiểm tra

Lưu ý:

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUU VIẾT QUYỀN LỢI

1. Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong. Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi NĐBH tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian **QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN** đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV.
3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
4. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 16 | 20

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Quyền lợi đầu tư đảm bảo			Quyền lợi đầu tư không đảm bảo							
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm				GTTK tại mức lãi suất 7%/năm			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút
1	40	48.000	1.440.000				1.440.000				1.440.000			
2	41	48.000	1.440.000			4.324	1.440.000		4.324		1.440.000		4.499	
3	42	48.000	1.440.000			33.960	1.440.000		34.135		1.440.000		35.024	
4	43	48.000	1.440.000			69.757	1.440.000		70.289		1.440.000		72.636	
5	44	48.000	1.440.000			115.639	1.440.000		117.340		1.440.000		122.155	
6	45	48.000	1.440.000			162.380	1.440.000		166.575		1.440.000		174.985	
7	46	48.000	1.440.000			209.531	1.440.000		218.092		1.440.000		231.354	
8	47	48.000	1.440.000			256.415	1.440.000		271.799		1.440.000		291.316	
9	48	48.000	1.440.000			302.606	1.440.000		327.877		1.440.000		355.210	
10	49	48.000	1.440.000	60.811		410.271	1.440.000	104.453	491.030		1.440.000	152.435	575.897	
11	50	48.000	1.440.000			459.025	1.440.000		558.106		1.440.000		660.319	
12	51	48.000	1.440.000			508.406	1.440.000		628.415		1.440.000		750.760	
13	52	48.000	1.440.000			558.096	1.440.000		701.900		1.440.000		847.539	
14	53	48.000	1.440.000			608.370	1.440.000		779.054		1.440.000		951.503	
15	54	48.000	1.440.000	6.081		665.450	1.440.000	10.445	870.727		1.440.000	15.243	1.078.714	
16	55	48.000	1.440.000			716.959	1.440.000		956.728		1.440.000		1.200.640	
17	56	48.000	1.440.000			769.398	1.440.000		1.047.731		1.440.000		1.332.653	
18	57	48.000	1.440.000			822.639	1.440.000		1.144.131		1.475.846		1.475.846	
19	58	48.000	1.440.000			877.056	1.440.000		1.246.679		1.629.434		1.629.434	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Trang 17 | 20
Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI										
				Quyền lợi đầu tư đảm bảo							Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			CHƯƠNG TRÌNH HUI TRÍ				GTTK tại			
							mức lãi suất 5%/năm				mức lãi suất 7%/năm			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút
20	59	48.000	1.440.000	6.081	939.202		1.440.000	10.445	1.366.589		1.809.016	15.243	1.809.016	
21	60		1.364.864		871.079	75.136	1.330.673		1.318.886	109.327	1.780.484		1.780.484	144.721
22	61		1.289.728		801.112	75.136	1.269.690		1.269.690	109.327	1.749.955		1.749.955	144.721
23	62		1.214.591		729.136	75.136	1.218.073		1.218.073	109.327	1.717.289		1.717.289	144.721
24	63		1.139.455		654.579	75.136	1.163.875		1.163.870	109.327	1.682.336		1.682.336	144.721
25	64		1.064.319		577.311	75.136	1.106.967		1.106.967	109.327	1.644.937		1.644.937	144.721
26	65		989.183		496.645	75.136	1.047.214		1.047.214	109.327	1.604.919		1.604.919	144.721
27	66		914.047		412.461	75.136	984.473		984.473	109.327	1.562.100		1.562.100	144.721
28	67		838.910		325.719	75.136	918.596		918.596	109.327	1.516.284		1.516.284	144.721
29	68		763.774		236.238	75.136	849.424		849.424	109.327	1.467.261		1.467.261	144.721
30	69		688.638		141.923	75.136	776.793		776.793	109.327	1.414.807		1.414.807	144.721
31	70		688.638		119.598		815.325		815.325		1.513.532		1.513.532	
32	71		688.638		96.648		855.783		855.783		1.619.168		1.619.168	
33	72		688.638		70.034		898.264		898.264		1.732.198		1.732.198	
34	73		688.638		38.613		942.869		942.869		1.853.141		1.853.141	
35	74		688.638		1.487		989.705		989.705		1.982.549		1.982.549	
36	75		(*)		(*)		1.038.882		1.038.882		2.121.017		2.121.017	
37	76						1.090.518		1.090.518		2.269.177		2.269.177	
38	77						1.144.736		1.144.736		2.427.708		2.427.708	
39	78						1.201.665		1.201.665		2.597.336		2.597.336	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Trang 18 | 20
Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN										
				Quyền lợi đầu tư đảm bảo			Quyền lợi đầu tư không đảm bảo							
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm				GTTK tại mức lãi suất 7%/năm			
				TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
40	79						1.261.440		1.261.440		2.778.838		2.778.838	
41	80						1.324.204		1.324.204		2.973.046		2.973.046	
42	81						1.390.106		1.390.106		3.180.847		3.180.847	
43	82						1.459.303		1.459.303		3.403.196		3.403.196	
44	83						1.531.960		1.531.960		3.641.108		3.641.108	
45	84						1.608.250		1.608.250		3.895.674		3.895.674	
46	85						1.688.355		1.688.355		4.168.060		4.168.060	
47	86						1.772.464		1.772.464		4.459.513		4.459.513	
48	87						1.860.779		1.860.779		4.771.368		4.771.368	
49	88						1.953.510		1.953.510		5.105.052		5.105.052	
50	89						2.050.878		2.050.878		5.462.095		5.462.095	
51	90						2.153.114		2.153.114		5.844.130		5.844.130	
52	91						2.260.461		2.260.461		6.252.908		6.252.908	
53	92						2.373.176		2.373.176		6.690.300		6.690.300	
54	93						2.491.527		2.491.527		7.158.310		7.158.310	
55	94						2.615.795		2.615.795		7.659.080		7.659.080	
56	95						2.746.277		2.746.277		8.194.905		8.194.905	
57	96						2.883.283		2.883.283		8.768.237		8.768.237	
58	97						3.027.139		3.027.139		9.381.702		9.381.702	
59	98						3.178.188		3.178.188		10.038.110		10.038.110	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Trang 19 | 20
Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI														
			Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Quyền lợi đầu tư đảm bảo			QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN							Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			CHƯƠNG TRÌNH HƯU TRÍ				GTTK tại			GTTK tại			
				mức lãi suất cam kết			mức lãi suất 5%/năm				mức lãi suất 7%/năm			mức lãi suất 7%/năm			
TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút						
60	99							3.336.789		3.336.789		10.740.467		10.740.467			

Lưu ý:

1. Khách hàng có thể yêu cầu rút một phần giá trị tài khoản như được thể hiện tại cột “khoản tiền rút” khi có nhu cầu cần tiền mặt để thực hiện cho kế hoạch hưu trí. Khi khách hàng thực hiện việc rút tiền thì giá trị tài khoản cũng như các quyền lợi của sản phẩm có thể sẽ được giảm tương ứng. Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút” và kế hoạch rút tiền nói trên chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tại mỗi thời điểm khách hàng cần rút một phần giá trị tài khoản, khách hàng cần gửi yêu cầu về việc rút tiền và gửi đến AIA Việt Nam.
2. Việc rút tiền và không duy trì việc đóng phí đầy đủ và đúng hạn có thể ảnh hưởng đến giá trị tài khoản và hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
4. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm;
2. Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
3. Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
4. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
5. Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm; và
6. Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang và là một phần của Hợp đồng bảo hiểm. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm	Số CMND/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp	Ký tên	Ngày/tháng/năm
Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao và nội dung Bảng minh họa này.			

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm	Văn phòng	Ký tên	Ngày/tháng/năm
---	-----------	--------	----------------

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM	
Khách hàng:	Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Đại lý bảo hiểm:	Trang 21 20
Mã số đại lý:	Dãy số kiểm tra
Ngày giờ lập:	